

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS - PT

Ngày 17 - 3 - 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,  
kiện đòi tài sản và yêu cầu  
bồi thường thiệt hại*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Văn Thanh

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Phi Long

Ông Phùng Chí Thiện

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Xuân Phong.

Ngày 25/11/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Kiện đòi tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”. Do bản án dân sự số 21/2024/DS-ST ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1847/2024/QĐ-PT ngày 07/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 2021/2024/QĐ-PT ngày 25/11/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 3042/2024/QĐ-PT, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐ-PT ngày 16/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐ-PT ngày 18/02/2025, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Lê Thanh P

Địa chỉ: Tổ 04, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Mạnh H -  
(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 007, phố T, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

**2. Bị đơn:** Công ty Cổ phần A

Địa chỉ: Số 045, phố M, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Tấn S - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức M - (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Xóm N, xã Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

**4. Người kháng cáo:** Bị đơn Công ty Cổ phần A

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Mạnh H trình bày:**

Từ năm 1983 ông Lê Thanh P có công tác tại Công ty Cổ phần A. Đến thời điểm năm 2016 sau khi cổ phần hóa 97,37% vốn Nhà nước thì Công ty Cổ phần A gặp khó khăn về tài chính. Để tháo gỡ tình trạng khó khăn đó sau khi họp cổ đông cũng như họp chi bộ đã quyết định đi vay một số cá nhân và tổ chức tín dụng để chi phí cho Công ty và bổ sung vào vốn lưu động để sản xuất kinh doanh. Lúc đó, ông Lê Thanh P là chủ tịch hội đồng quản trị nên cũng không thể đứng ngoài cuộc. Khoảng năm 2016 ông Lê Thanh P có lấy 350.000.000 đồng tiền của cá nhân cho Công ty vay để phục vụ nhu cầu vốn. Đến ngày 02/01/2020 Công ty có nguồn vốn và thanh toán số nợ trên cho ông Lê Thanh P, tuy nhiên vì Công ty vẫn còn khó khăn nên cùng ngày ông Lê Thanh P lại cho Công ty vay lại số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), hợp đồng số 02/HĐVV- CBIBLC ngày 02/01/2020 thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất là 13,5%/ năm và lãi suất chậm trả là 150% trên lãi suất cho vay.

Ngày 11/3/2020 ông Lê Thanh P tiếp tục dùng tiền của cá nhân cho Công ty vay tiền là 100.000.000 đồng theo hợp đồng số 04/HĐVV- CBIBLC ngày 11/3/2020 thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất là 13,5%/ năm và lãi suất chậm trả là 150% trên lãi suất cho vay. Ngày 01/7/2020 ông Lê Thanh P và Công ty ký kết phụ lục hợp đồng số 01 về việc giảm lãi suất cho vay và lãi suất nợ quá hạn của hai hợp đồng nêu trên xuống còn 8.5%/năm tính từ ngày 01/7/2020.

Ông Lê Thanh P đã nhiều lần yêu cầu Công ty thanh toán số tiền vay nêu trên, nhưng Công ty không thanh toán cho ông Lê Thanh P một đồng nào tiền gốc và lãi. Vì vậy đầu năm 2023 ông Lê Thanh P đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố L. Tòa án đã thụ lý vụ án số 13/2023/ST- DS ngày 03/2/2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Trong quá trình tòa án giải quyết các bên muốn tự thương lượng nên ông Lê Thanh P đã tự nguyện rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau khi rút đơn khởi kiện việc thương lượng không thành. Đến nay để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình ông Lê Thanh P làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết. Buộc Công ty Cổ

phần A phải trả cho ông Lê Thanh P số tiền đã vay theo 02 hợp đồng nêu trên là 450.000.000 đồng không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Ông Lê Thanh P không nhất trí về nội dung phản tố, đề nghị Công ty Cổ phần A trả số tiền 450.000.000 đồng thì nguyên đơn sẽ trả lại chiếc xe ô tô Mitsubishi - Pajero GL, biển kiểm soát 24A-025.98.

**Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần A là ông Bùi Đức M trình bày:**

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV- CBIBLC ngày 02/01/2020 và Hợp đồng vay vốn số 04/HĐVV- CBIBLC ngày 11/03/2020 không được thực hiện trên thực tế, bởi lẽ: Không có căn cứ khẳng định rằng ông Lê Thanh P đã nộp tiền vay theo các hợp đồng trên cho Công ty Cổ phần A căn cứ khoản 4.3, Điều 4, Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV- CBIBLC ngày 02/01/2020 và khoản 4.3, Điều 4 Hợp đồng vay vốn số 04/HĐVV- CBIBLC ngày 11/03/2020, quy định: “Bên B nhận tiền vay một lần hai bên ký phiếu thu. Phiếu thu là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này”. Theo quy định này, bên B (Công ty Cổ phần A) nhận tiền vay một lần và khi đó, hai bên là ông Lê Thanh P và Công ty Cổ phần A cùng ký phiếu thu xác nhận khoản vay. Căn cứ phiếu thu ngày 02/01/2020 và Phiếu thu ngày 11/03/2020, ông Lê Thanh P không phải người nộp tiền. Người nộp tiền là bà Dương Thị Thuỳ T, thủ quỹ của Công ty tại thời điểm ghi trên phiếu thu. Tuy nhiên, bà Dương Thị Thuỳ T không có quyền đại diện cho ông Lê Thanh P do không có văn bản, giấy tờ ủy quyền theo quy định pháp luật. Do đó, không có căn cứ xác minh ông P đã nộp tiền theo các hợp đồng vay vốn kể trên cho Công ty Cổ phần A. Đồng thời yêu cầu ông Lê Thanh P trả lại cho Công ty Cổ phần A xe ô tô Mitsubishi - Pajero GL của Công ty Cổ phần A mà ông P đã và đang chiếm hữu, sử dụng bất hợp pháp và bồi thường thiệt hại cho Công ty là 452.500.000 đồng.

Căn cứ Khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật” Chiếc xe ô tô Mitsubishi - Pajero GL biển kiểm soát 24A-025.98 là tài sản của Công ty Cổ phần A. Thời điểm ông Lê Thanh P nghỉ việc tại Công ty Cổ phần A là tháng 09/2020, ông Lê Thanh P tiếp tục chiếm hữu và sử dụng chiếc xe này. Công ty Cổ phần A đã có văn bản đề nghị ông P trả lại xe, nhưng đến nay, ông P vẫn chưa trả. Do việc chiếm hữu và sử dụng bất hợp pháp của ông P đối với chiếc xe ô tô Mitsubishi - Pajero GL nêu trên, Công ty Cổ phần A phải chịu thêm các phí tổn tạm tính đến hết tháng 12/2023 là: 452.500.000 đồng.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

các hợp đồng vay vốn 02/HĐVV- CBIBLC ngày 11/03/2020 không diễn ra trên thực tế. Tuyên ông Lê Thanh P trả lại chiếc xe ô tô Mitshubishi – Pajero GL và bồi thường thiệt hại của chiếc xe trên cho Công ty là 452.500.000 đồng. Cụ thể thiệt hại trên thực tế Công ty Cổ phần A không đưa ra được các căn cứ chứng cứ chứng minh gì cho việc yêu cầu bồi thường.

Yêu cầu ông P giải trình số tiền tạm ứng 648.747.509 đồng cho Công ty Cổ phần A. Công ty Cổ phần A không yêu cầu ông P trả số tiền 648.747.509 đồng trong vụ án này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh P.

Buộc Công ty Cổ phần A phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thanh P tổng số tiền gốc đã vay là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần A: Buộc ông Lê Thanh P phải trả lại cho Công ty Cổ phần A chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi - Pajero GL, biển kiểm soát 24A-025.98.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần A về việc yêu cầu ông Lê Thanh P bồi thường thiệt hại đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi - Pajero GL, biển kiểm soát 24A-025.98 với số tiền là 452.500.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 07/8/2024, Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần A kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm Sửa bản án sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên các các hợp đồng vay vốn 02/HĐVV- CBIBLC ngày 11/03/2020 không diễn ra trên thực tế. Tuyên ông Lê Thanh P trả lại chiếc xe ô tô Mitshubishi – Pajero GL và bồi thường thiệt hại của chiếc xe trên cho Công ty số tiền là

452.500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều vắng mặt và trong đơn xin xét xử vắng mặt các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần A. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần A có đầy đủ nội dung, nộp đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, là căn cứ để để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

[2.1] Xét Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV-CBIBLC ngày 02/01/2020 và Hợp đồng vay vốn số 04/HĐVV-CBIBLC ngày 11/3/2020 được ký kết giữa ông Lê Thanh P và Công ty Cổ phần A:

Về hình thức: Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV-CBIBLC ngày 02/01/2020 và Hợp đồng vay vốn số 04/HĐVV-CBIBLC ngày 11/3/2020 được lập thành văn bản phù hợp theo quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự.

Về chủ thể: Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV-CBIBLC ngày 02/01/2020 và Hợp đồng vay vốn số 04/HĐVV-CBIBLC ngày 11/3/2020 được lập giữa bên cho vay là ông Lê Thanh P và bên vay là Công ty Cổ phần A (đại diện là ông Lê Thanh P – Chủ tịch Hội đồng quản trị). Hội đồng xét xử nhận thấy, các bên đều thừa nhận có xác lập hai hợp đồng vay vốn trên, các bên tham gia giao dịch đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc thỏa thuận vay tiền và lập giấy vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc phù hợp theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự.

Về nội dung hợp đồng: Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV-CBIBLC ngày 02/01/2020 thể hiện Công ty Cổ phần A vay ông Lê Thanh P số tiền là 350.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 02/01/2020, phần lãi suất

ghi các bên tự thoả thuận lãi suất 13,5 %/năm được tính tổng số tiền vay, theo lãi suất nhân đôi với thời gian vay. Hợp đồng vay vốn số 04/HĐVV-CBIBLC ngày 11/3/2020 thể hiện Công ty Cổ phần A vay ông Lê Thanh P số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 11/4/2020, phần lãi suất ghi các bên tự thoả thuận lãi suất 13,5 %/năm được tính tổng số tiền vay, theo lãi suất nhân đôi với thời gian vay. Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Thanh P cho rằng ông đã thực hiện đúng như hợp đồng đã ký kết. Bị đơn cho rằng hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV-CBIBLC ngày 02/01/2020 và Hợp đồng vay vốn số 04/HĐVV-CBIBLC ngày 11/03/2020 không được thực hiện trên thực tế, bởi vì: Không có căn cứ khẳng định rằng ông Lê Thanh P đã nộp tiền vay theo các hợp đồng trên cho Công ty Cổ phần A. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản lấy lời khai của bà Dương Thị Thùy T là thủ quỹ, ông Phạm Quốc P và bà Trần Thị Thùy N, ông Nguyễn Mạnh C, bà Nguyễn Thị Thúy P, ông Nguyễn Hiền L là cổ đông của Công ty Cổ phần A đều thống nhất xác nhận ngày 02/01/2020, ông Lê Thanh P lúc đó là chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần A đã cho Công ty vay ngắn hạn số tiền là 350.000.000 đồng và ngày 11/3/2020 cho Công ty vay với số tiền là 100.000.000 đồng với nội dung thỏa thuận như hai hợp đồng vay vốn đã thể hiện. Khi chuyển giao từ Công ty của Nhà nước sang Công ty Cổ phần các khoản vay nợ trong đó khoản nợ gốc 450.000.000 đồng của ông Lê Thanh P đều được bàn giao cho Công ty mới. Ngoài ra bà Dương Thị Thùy T còn xác nhận bà Trang là thủ quỹ và đã nhận đủ hai khoản tiền trên của ông Lê Thanh P cho Công ty vay, sau khi nhận đủ tiền bà đã nộp vào quỹ cho Công ty, khi nộp kế toán cũng đã ký và xác nhận số tiền trên được nộp vào tiền quỹ của Công ty. Lời trình bày của những thành viên trong Công ty Cổ phần A là phù hợp với lời khai của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ.

Từ những phân tích trên thấy rằng Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV-CBIBLC ngày 02/01/2020 và Hợp đồng vay vốn số 04/HĐVV-CBIBLC ngày 11/3/2020 được lập giữa bên cho vay là ông Lê Thanh P và bên vay là Công ty Cổ phần A là hợp pháp và đã phát sinh hiệu lực theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh hợp đồng không được thực hiện trên thực tế. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty Cổ phần A phải trả ông P số tiền gốc đã vay theo hai hợp đồng vay vốn trên là 450.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Cổ phần A, yêu cầu ông Lê Thanh P phải trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi - Pajero GL, biển kiểm soát 24A-025.98 và bồi thường thiệt hại của chiếc xe ô tô trên cho Công ty là 452.500.000 đồng:

Đối với yêu cầu ông Lê Thanh P phải trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi - Pajero GL, biển kiểm soát 24A-025.98: Xét thấy chiếc xe ô tô trên là tài sản hợp pháp của Công ty Cổ phần A hiện nay ông Lê Thanh P đang chiếm hữu không có căn cứ pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Thanh P cũng nhất trí trả cho Công ty chiếc xe trên. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc ông Lê Thanh P phải trả lại cho Công ty Cổ phần A chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi - Pajero GL, biển kiểm soát 24A-025.98 là phù hợp.

Đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần A về việc buộc ông Lê Thanh P bồi thường thiệt hại của chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi - Pajero GL, biển kiểm soát 24A-025.98 cho Công ty số tiền 452.500.000 đồng:

Ngày 16/12/2024, Công ty In báo Lào Cai có đơn đề nghị định giá tài sản đối với 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi - Pajero GL, biển kiểm soát 24A-025.98. Ngày 23/12/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 2183/2024/TB-TA, nhưng Công ty cổ phần A không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty cổ phần A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ, do vậy không có căn cứ để chấp nhận đối với yêu cầu này của bị đơn.

[3]. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Tòa án đã xem xét, đánh giá một cách khách quan các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp. Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại gia đoạn xét xử phúc thẩm, bị đơn Công ty cổ phần A không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh nội dung kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần A, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn Công ty Cổ phần A phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần A. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai .

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận Công ty Cổ phần A đã nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24P, số 0000695 ngày 16/8/2024 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Công ty Cổ phần A đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Văn Thanh**